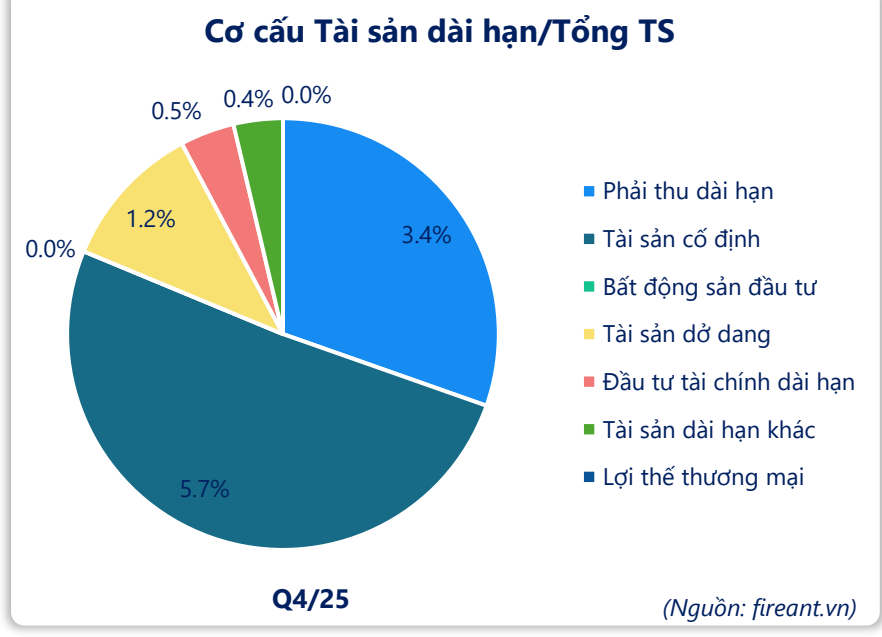
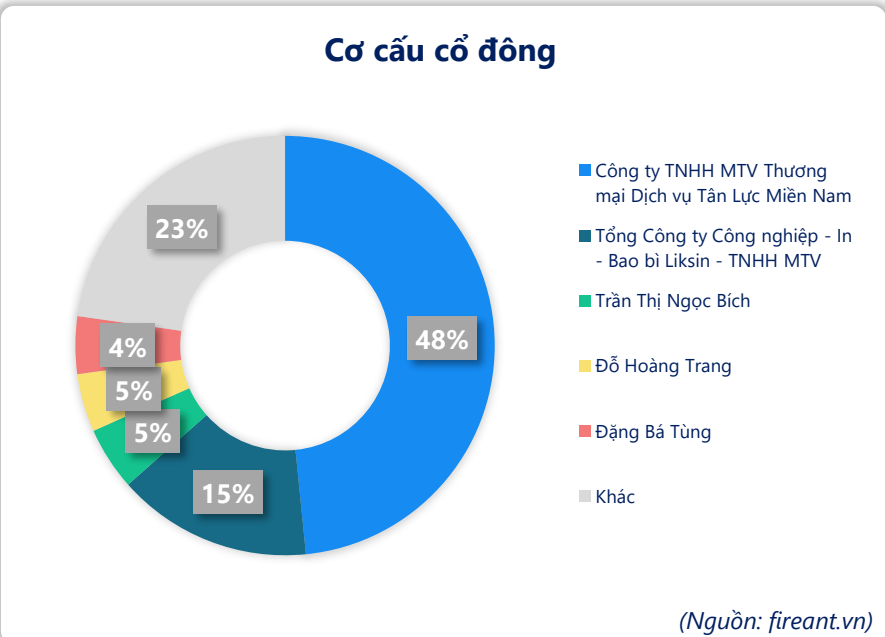
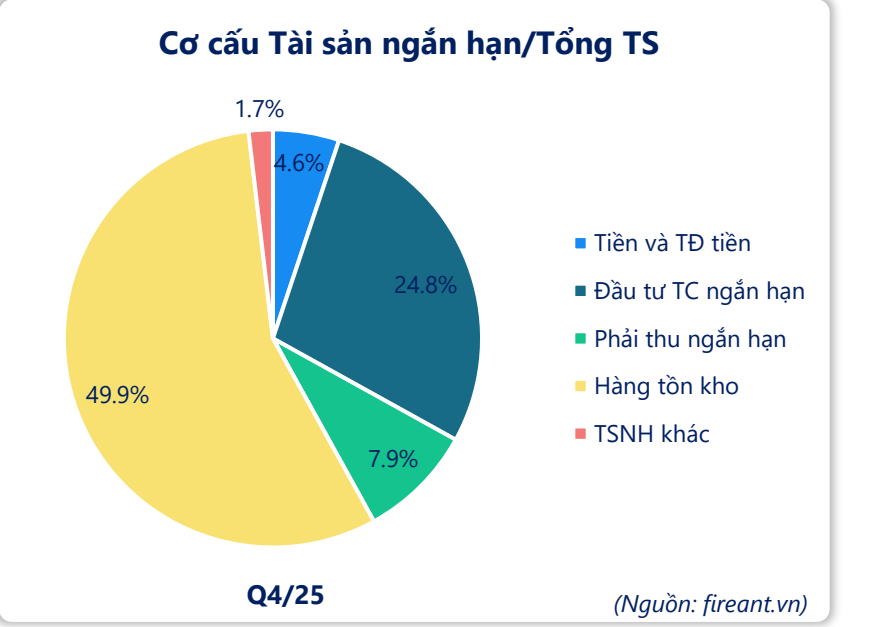
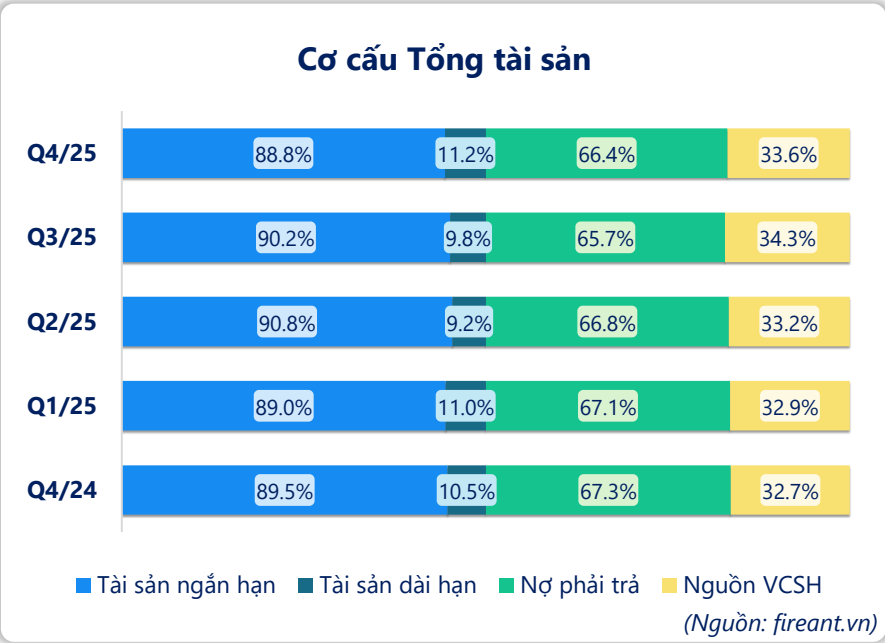
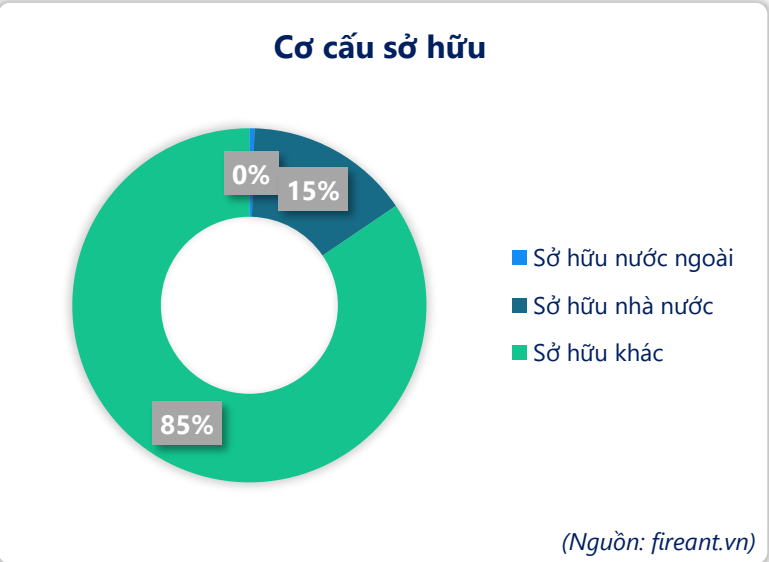
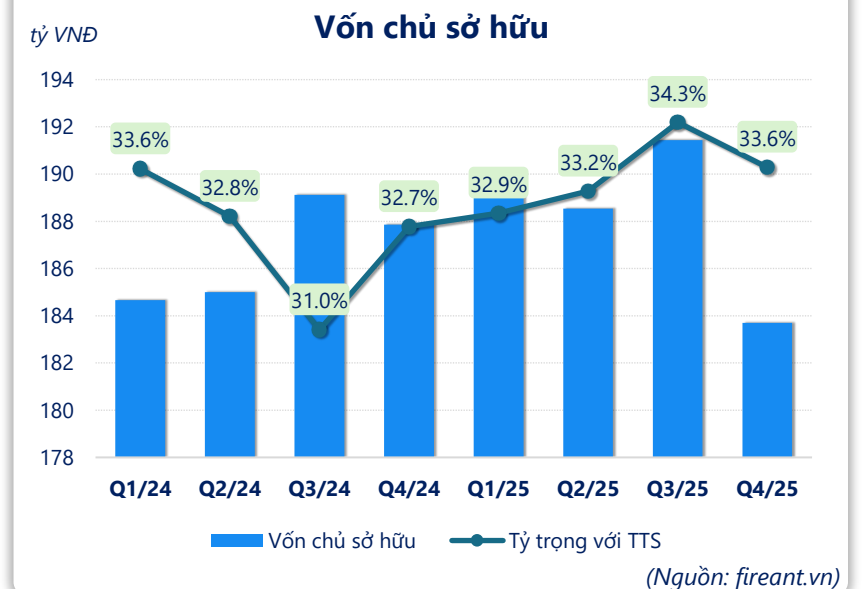
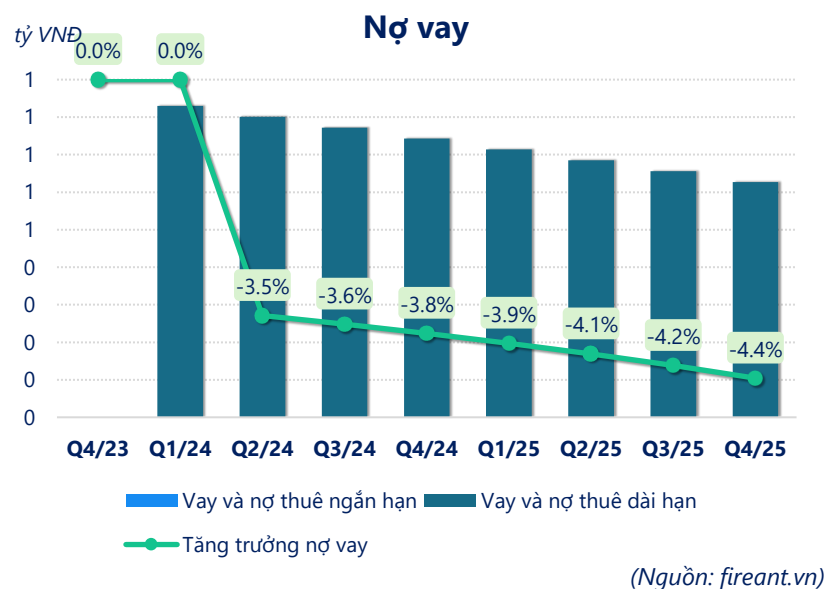
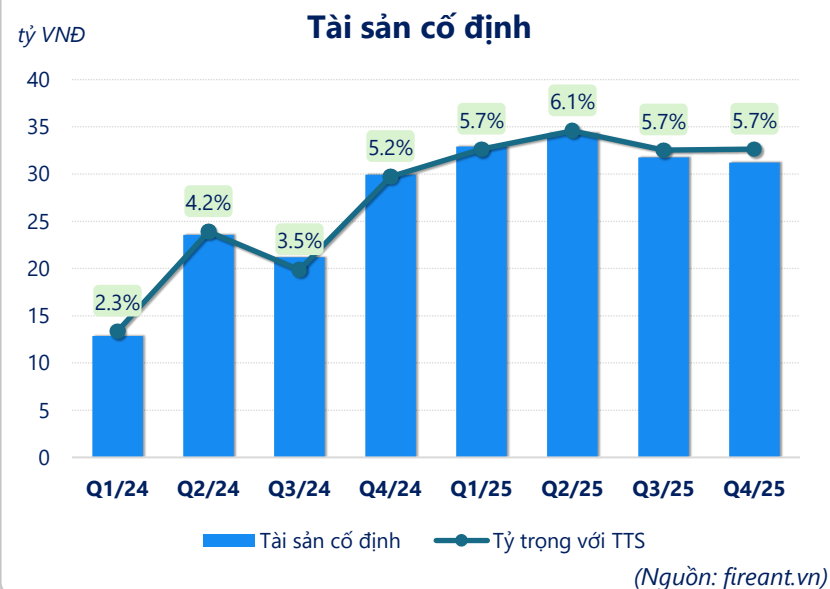
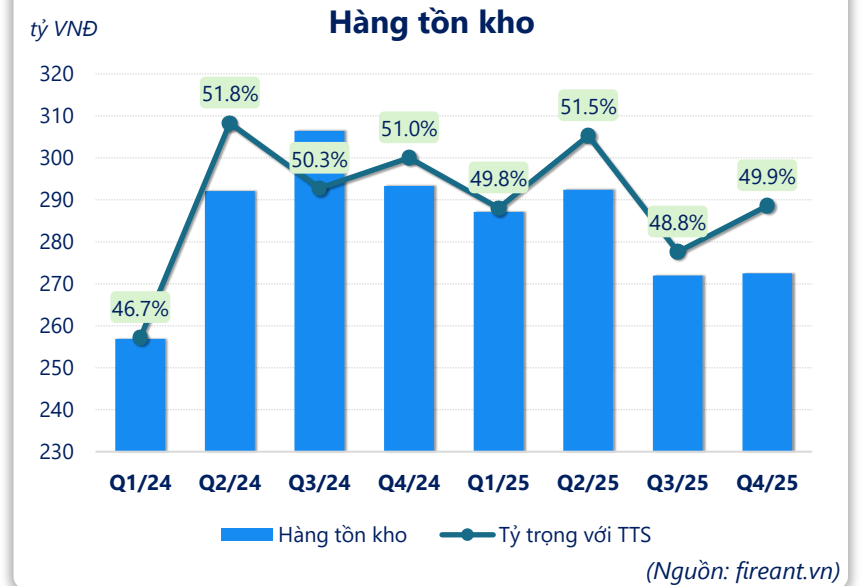
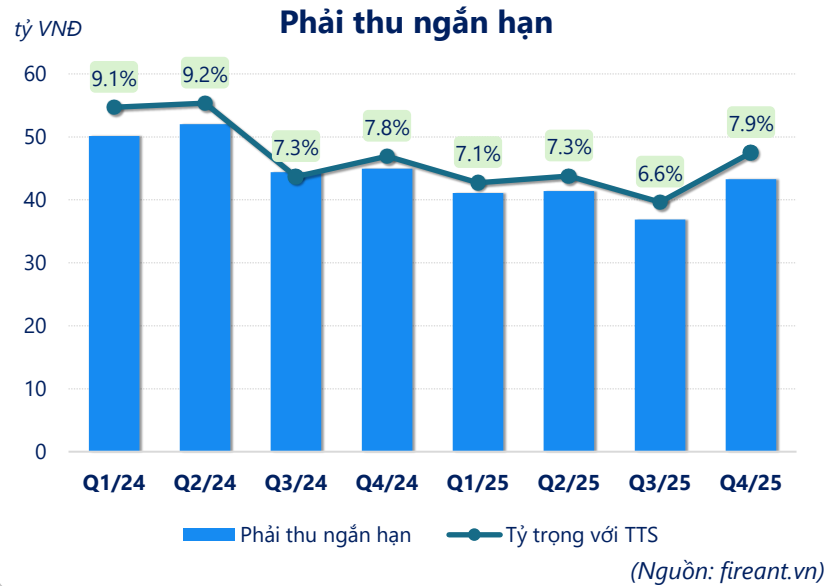
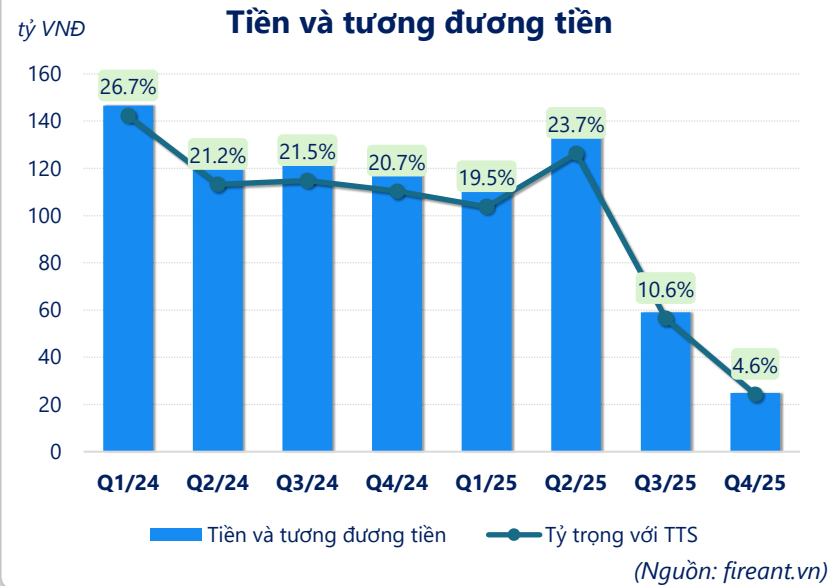
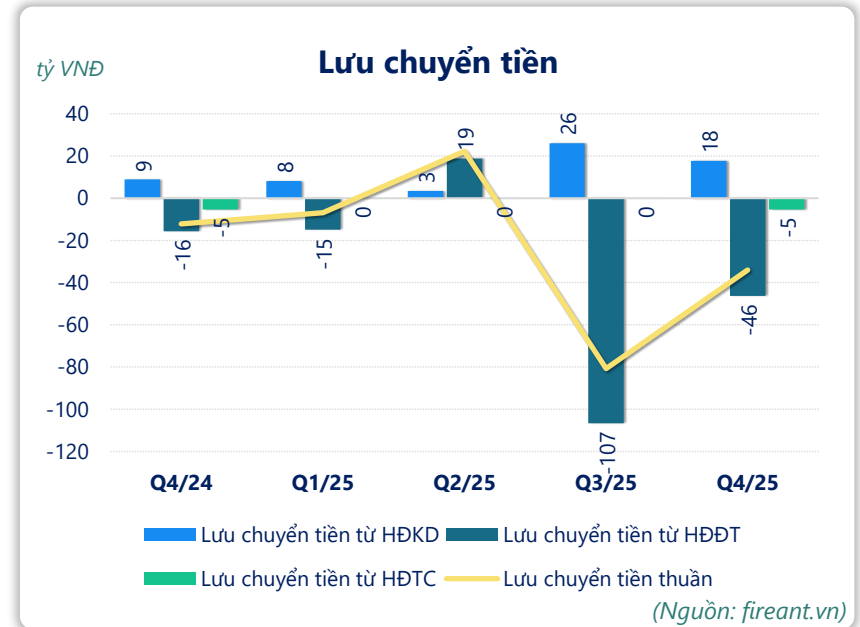
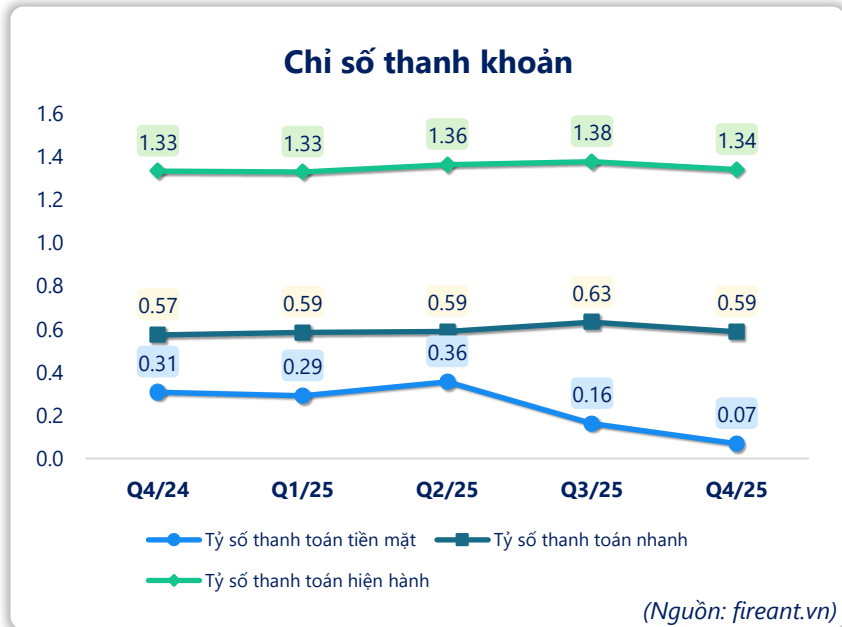
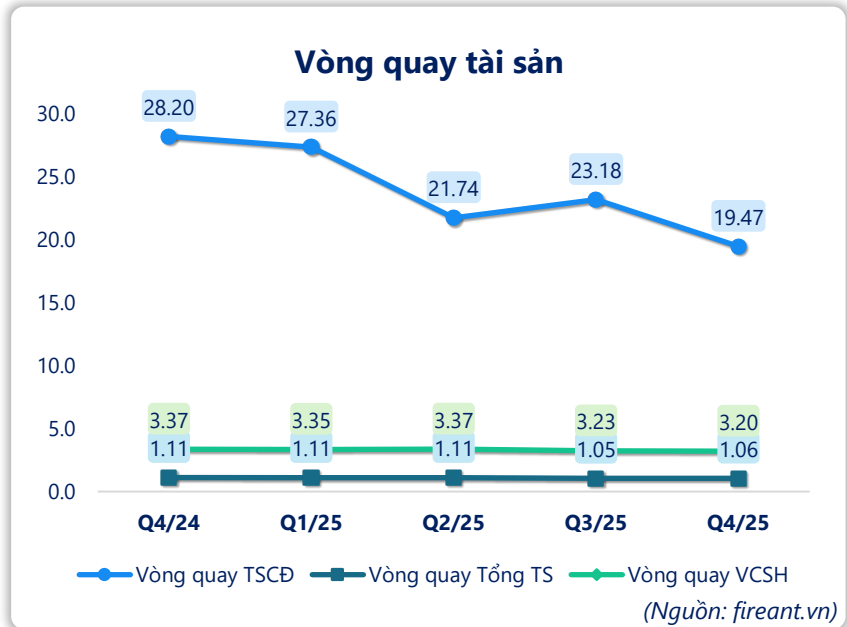
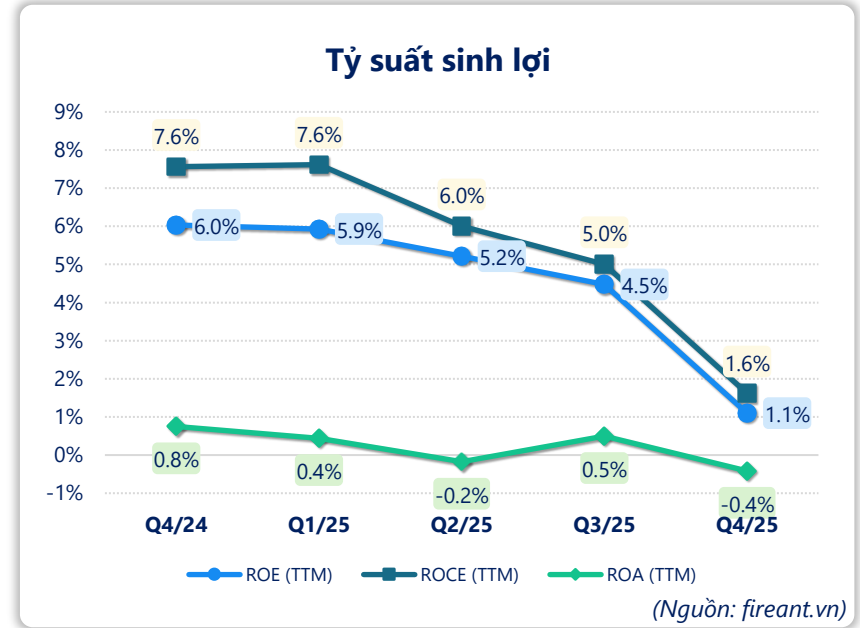
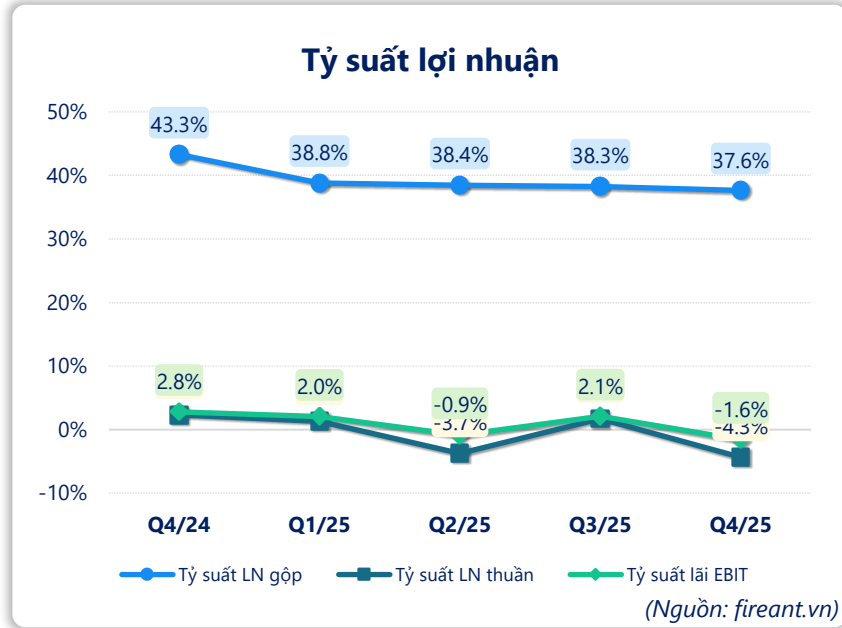
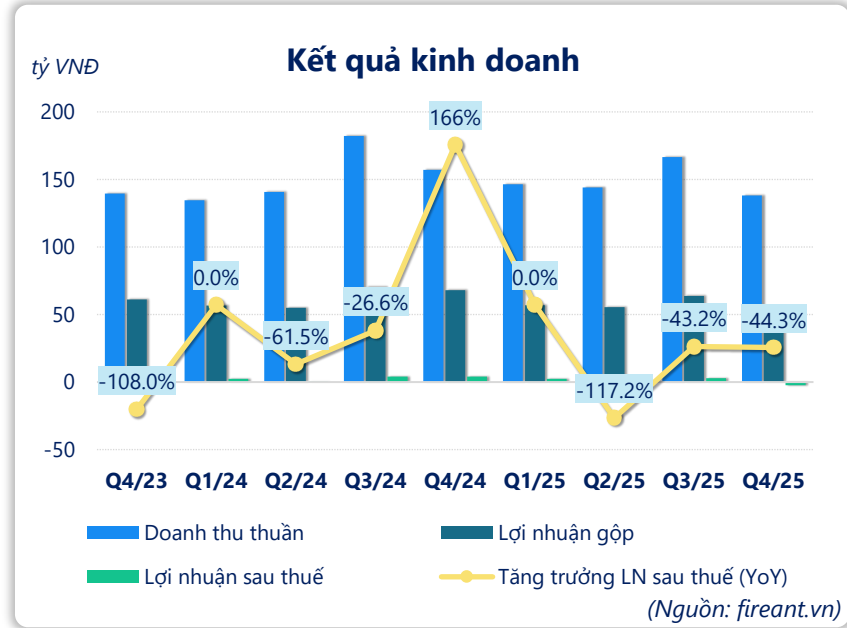


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,650
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		31,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,916
SL cổ phiếu LH		10,799,351
KLGD BQ 20 phiên (CP)		420
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		201
P/E		98.6
EPS		189

	YTD	1T	3T	6T
PNC	6.2%	-20.3%	-32.2%	-37.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	547	571	-4.3%
Tài sản ngắn hạn	485	518	-6.4%
Tiền và tương đương tiền	24.9	119	-79.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	136	50.0	171%
Phải thu ngắn hạn	43.3	49.0	-11.7%
Hàng tồn kho	273	293	-7.1%
Tài sản ngắn hạn khác	9.06	6.95	30.4%
Tài sản dài hạn	61.3	52.6	16.6%
Phải thu dài hạn	18.6	14.0	33.0%
Tài sản cố định	31.2	29.9	4.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.73	2.19	208%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.26	3.97	-42.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	363	384	-5.4%
Nợ ngắn hạn	362	383	-5.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	318	320	-0.6%
Nợ dài hạn	1.13	1.24	-9.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.63	0.74	-15.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	184	187	-1.8%
Vốn chủ sở hữu	184	187	-1.8%
Vốn điều lệ	110	110	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	157	146	144	167	138
Giá vốn hàng bán	89.0	89.5	88.7	103	86.2
Lợi nhuận gộp	68.0	56.8	55.4	63.8	52.0
Doanh thu HĐTC	5.17	4.47	5.53	2.40	4.48
Chi phí TC	0.01	0.01	0.34	0.01	0.02
Chi phí lãi vay	0.01	0.01	0.01	0.01	0.02
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	61.5	49.6	57.9	54.6	56.6
Chi phí QLDN	7.95	9.70	8.03	8.71	5.91
LN thuần từ HĐKD	3.65	1.92	-5.35	2.86	-6.00
Lợi nhuận khác	0.72	1.05	4.09	0.60	3.79
LN trước thuế	4.36	2.98	-1.26	3.46	-2.21
Lợi nhuận sau thuế	4.14	2.49	-1.01	2.89	-2.33
LNST của CĐ cty mẹ	4.14	2.49	-1.01	2.89	-2.33

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.93	8.07	3.50	26.0	17.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.7	-14.9	18.8	-107	-46.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.43	-0.03	-0.03	-0.03	-5.42
Tiền đầu kỳ	131	119	112	140	59.0
Lưu chuyển tiền thuần	-12.2	-6.87	22.2	-80.7	-34.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	119	112	134	59.0	24.9

(Nguồn: fireant.vn)